

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*  
*đã được kiểm toán*

**LƯU AASUN**

M.S.D.

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 33</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 33

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn;
- Xây dựng công trình;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Tiến Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Đại Lâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2020
Bà Âu Thiên Hương	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Ủy viên	

#### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Đại Lâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Luyến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2020
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2020

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Tổng Giám đốc**

  
Nguyễn Tuấn Hoàng

Số: 118./2021/BCKT-AASCN.PB

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>262.431.651.055</b>	<b>299.143.647.953</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>161.700.914</b>	<b>59.015.171</b>
1.	Tiền	111		161.700.914	59.015.171
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>238.929.281.734</b>	<b>276.907.885.686</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	237.512.913.204	276.573.411.205
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		84.486.080	755.290.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	6.031.013.043	6.381.339.553
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(4.699.130.593)	(6.802.155.072)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>12.835.184.308</b>	<b>11.750.467.293</b>
1.	Hàng tồn kho	141		12.835.184.308	12.697.244.309
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(946.777.016)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.505.484.099</b>	<b>10.426.279.803</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	578.725.843	436.363.528
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.931.376.376	6.985.601.027
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	2.995.381.880	3.004.315.248
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92.109.503.458</b>	<b>67.630.831.914</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
4.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	500.000.000	500.000.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.654.324.623</b>	<b>1.987.370.493</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.654.324.623	1.987.370.493
	- Nguyên giá	222		8.573.982.183	8.573.982.183
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.919.657.560)	(6.586.611.690)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>47.421.374.911</b>	<b>48.581.543.191</b>
1.	Nguyên giá	231		55.401.270.953	55.401.270.953
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(7.979.896.042)	(6.819.727.762)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>28.983.143.554</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.983.143.554	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.550.660.370</b>	<b>16.561.918.230</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	-	-
6.	Lợi thế thương mại	269	V.10	13.550.660.370	16.561.918.230
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>354.541.154.513</b>	<b>366.774.479.867</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>299.196.632.116</b>	<b>304.608.385.754</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>238.526.010.023</b>	<b>241.099.854.573</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	235.733.228.576	239.889.996.849
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		66.317.000	66.317.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	28.342.328	38.337.371
4.	Phải trả người lao động	314		205.299.651	17.350.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	96.818.000	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.972.222.690	548.268.145
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	210.798.897	326.602.327
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.982.881	212.982.881
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>60.670.622.093</b>	<b>63.508.531.181</b>
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	59.123.106.073	61.961.015.161
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14	1.547.516.020	1.547.516.020
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.344.522.397</b>	<b>62.166.094.113</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>55.344.522.397</b>	<b>62.166.094.113</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.000.000.000	111.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		11.718.534.049	11.718.534.049
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(165.177.648.281)	(164.682.249.991)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(164.682.249.991)	(221.630.188.519)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(495.398.290)	56.947.938.528
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.803.636.629	13.129.810.055
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>354.541.154.513</b>	<b>366.774.479.867</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Nhó

Nguyễn Thị Lýuén

Nguyễn Tuấn Hoàng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>452.733.603.483</b>	<b>408.145.678.290</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>452.733.603.483</b>	<b>408.145.678.290</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	450.049.126.522	405.072.215.826
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2.684.476.961</b>	<b>3.073.462.464</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	91.074.461	70.280.784.328
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.04	(176.856.446)	-
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	2.210.833.840	12.770.752.341
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>387.861.136</b>	<b>60.583.494.451</b>
12.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	100.000.000
13.	Chi phí khác	32	VI.06	12.500.490	4.311.812.340
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(12.500.490)</b>	<b>(4.211.812.340)</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>375.360.646</b>	<b>56.371.682.111</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		49.746.522	69.486.775
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>325.614.124</b>	<b>56.302.195.336</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		121.413.648	(721.017.469)
20.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		204.200.476	57.023.212.805
21.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.08</b>	<b>(45)</b>	<b>5.130</b>
22.	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.09</b>	<b>(45)</b>	<b>5.130</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Nhó

Nguyễn Thị Lý

Nguyễn Tuấn Hoàng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		375.360.646	56.371.682.111
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định, BĐSĐT và lợi thế thương mại	02		4.504.472.010	13.538.401.219
-	Các khoản dự phòng	03		(3.049.801.495)	97.718.239
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		85.781.985	(70.280.784.328)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		1.915.813.146	(272.982.759)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43.591.185.347	(111.698.043.142)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(137.939.999)	(149.763.429)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(5.537.085.903)	99.718.040.363
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(142.362.315)	3.758.538
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.813.154)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		39.648.797.122	(12.398.990.429)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(943.120.995)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.547.185.840)	(850.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	(430.475.127)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.074.461	3.050.618
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(39.546.111.379)	(2.220.545.504)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	14.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>14.000.000.000</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>102.685.743</b>	<b>(619.535.933)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>59.015.171</b>	<b>678.551.104</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>161.700.914</b>	<b>59.015.171</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Nhớ



Nguyễn Thị Luyên


  
 Nguyễn Tuấn Hoàng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2020

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn;
- Xây dựng công trình;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng.

**04. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các công ty con đầu tư bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2020	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			tại ngày 31/12/2020	tại ngày 01/01/2020
<b>I. Công ty con đầu tư trực tiếp</b>				
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	84,37%	84,37%	69,59%
<ul style="list-style-type: none"><li>- Danh sách các công ty liên kết bao gồm:</li></ul>				
Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2020	Quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty mẹ	
			tại ngày 31/12/2020	tại ngày 01/01/2020
<b>I. Công ty con đầu tư trực tiếp</b>				
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	Tầng 10 tòa nhà Vnaplast Tài Tâm, 39A Ngô Quyền, phường Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	37,97%	37,97%	0%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **03. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **04. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

#### **06. Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ.

#### **07. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

##### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

##### *Khấu hao*

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

Khấu hao nhà cửa được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 50 năm.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **12. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **13. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản

### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại hoặc Công ty con mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

### **19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

#### ***a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**  
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	161.700.914	59.015.171
+ Tiền mặt	111.500.996	16.102.086
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.199.918	42.913.085
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>161.700.914</b>	<b>59.015.171</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị xác định theo phương pháp vốn chủ	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị xác định theo phương pháp vốn chủ	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	29.160.000.000	28.983.143.554		-	-	
<b>Cộng</b>	<b>29.160.000.000</b>	<b>28.983.143.554</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>237.512.913.204</b>	<b>276.573.411.205</b>
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	8.714.705.488	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	140.560.848.331	184.850.540.531
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	64.742.857.927	600.000.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam Đà Nẵng	18.026.281.880	23.036.304.461
- Ông Nguyễn Hữu Việt	-	65.925.060.390
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.468.219.578	2.161.505.823
<b>Cộng</b>	<b>237.512.913.204</b>	<b>276.573.411.205</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>6.031.013.043</b>	<b>(3.281.409.826)</b>	<b>6.381.339.553</b>	<b>(5.384.398.106)</b>
- Tạm ứng	130.000.000	-	420.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu khác	5.901.013.043	(3.281.409.826)	5.961.339.553	(5.384.398.106)
+ Công ty CP Bao bì và DV Sam Thịnh	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Công ty CP Nhựa Sam Phú	262.878.059	(262.878.059)	262.878.059	(262.878.059)
+ Công ty CP Vật liệu Điện và VT Sam Cường	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Bà Nguyễn Thị Dung	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
+ Các khoản phải thu khác	4.386.622.744	(1.767.019.527)	4.446.949.254	(3.870.007.807)
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.531.013.043</b>	<b>(3.281.409.826)</b>	<b>6.881.339.553</b>	<b>(5.384.398.106)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***05. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP sản xuất và dịch vụ Viễn thông Vina	621.939.611	-	621.939.611	-
Công ty CP nhựa Sam Phú	262.878.059	-	262.878.059	-
Công ty Cổ Phần Vật liệu Điện và VT Sam Cường	525.756.120	-	525.756.120	-
Công ty CP bao bì & DV Sam Thịnh	525.756.120	-	525.756.120	-
Các đối tượng khác	2.762.800.683	-	4.865.825.162	-
<b>Cộng</b>	<b>4.699.130.593</b>	<b>-</b>	<b>6.802.155.072</b>	<b>-</b>

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	804.823.028	-	804.823.028	(804.823.028)
- Công cụ, dụng cụ	141.953.988	-	141.953.988	(141.953.988)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
- Hàng hoá	11.888.407.292	-	11.750.467.293	-
<b>Cộng</b>	<b>12.835.184.308</b>	<b>-</b>	<b>12.697.244.309</b>	<b>(946.777.016)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	3.254.391.410	5.200.876.183	118.714.590	8.573.982.183
<i>Số dư cuối năm</i>	3.254.391.410	5.200.876.183	118.714.590	8.573.982.183
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	2.428.971.069	4.038.926.031	118.714.590	6.586.611.690
- Khấu hao trong năm	130.175.724	202.870.146	-	333.045.870
<i>Số dư cuối năm</i>	2.559.146.793	4.241.796.177	118.714.590	6.919.657.560
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	825.420.341	1.161.950.152	-	1.987.370.493
2. <i>Tại ngày cuối năm</i>	695.244.617	959.080.006	-	1.654.324.623

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.082.318.045 đồng.

**08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>				
	55.401.270.953	-	-	55.401.270.953
- Quyền sử dụng đất	7.416.245.403	-	-	7.416.245.403
- Nhà	47.985.025.550	-	-	47.985.025.550
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
	6.819.727.762	1.160.168.280	-	7.979.896.042
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	6.819.727.762	1.160.168.280	-	7.979.896.042
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>				
	48.581.543.191	-	(1.160.168.280)	47.421.374.911
- Quyền sử dụng đất	7.416.245.403	-	-	7.416.245.403
- Nhà	41.165.297.788	-	(1.160.168.280)	40.005.129.508

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

**09. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	578.725.843	436.363.528
- Tiền thuê tại 421 Phan Bá Vành	71.290.800	71.290.800
- Chi phí thuê Xuân Phương	365.072.728	365.072.728
- Công cụ dụng cụ xuất dụng	130.565.908	-
- Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	11.796.407	-
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>578.725.843</b>	<b>436.363.528</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Lợi thế thương mại***Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	16.561.918.230	-	3.011.257.860	13.550.660.370
<b>Cộng</b>	<b>16.561.918.230</b>	<b>-</b>	<b>3.011.257.860</b>	<b>13.550.660.370</b>

**11. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>235.733.228.576</b>	<b>235.733.228.576</b>	<b>239.889.996.849</b>	<b>239.889.996.849</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	15.963.933.598	15.963.933.598	125.453.933.598	125.453.933.598
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	-	-	18.117.176.190	18.117.176.190
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	121.496.849.667	121.496.849.667	70.883.828.666	70.883.828.666
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	133.227.319	133.227.319	23.104.339.914	23.104.339.914
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	25.775.125.142	25.775.125.142	-	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	20.144.493.986	20.144.493.986	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đồng Á	46.033.737.463	46.033.737.463	-	-
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	6.185.861.401	6.185.861.401	2.330.718.481	2.330.718.481
<b>Cộng</b>	<b>235.733.228.576</b>	<b>235.733.228.576</b>	<b>239.889.996.849</b>	<b>239.889.996.849</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số phải thu đầu năm</b>	<b>Số phải nộp đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Giảm khác</b>	<b>Số tiền phải thu cuối năm</b>	<b>Số phải nộp cuối năm</b>
- Thuế GTGT đầu ra	-	7.208.274	141.856.266	149.064.540	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.004.315.248	-	49.746.522	40.813.154	-	2.995.381.880	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	29.029.097	50.118.905	23.102.952	(27.702.722)	-	28.342.328
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	2.100.000	-	2.100.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.004.315.248</u></b>	<b><u>38.337.371</u></b>	<b><u>381.900.638</u></b>	<b><u>355.259.591</u></b>	<b><u>(27.702.722)</u></b>	<b><u>2.995.381.880</u></b>	<b><u>28.342.328</u></b>

**13. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b><u>96.818.000</u></b>	-
- Các khoản trích trước khác	<b><u>96.818.000</u></b>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>96.818.000</u></b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>210.798.897</b>	<b>326.602.327</b>
- Kinh phí công đoàn	35.996.151	31.800.071
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	55.651.330	55.651.330
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.151.416	239.150.926
+ Ông Nguyễn Tuấn Hoàng	80.000.000	200.000.000
+ Các đối tượng khác	39.151.416	39.150.926
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.547.516.020</b>	<b>1.547.516.020</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	702.379.000	702.379.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	845.137.020	845.137.020
+ Ban quản lý tòa nhà 47 Vũ Trọng Phụng	845.137.020	845.137.020
<b>Cộng</b>	<b>1.758.314.917</b>	<b>1.874.118.347</b>

**15. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.972.222.690</b>	<b>548.268.145</b>
- Các khoản doanh thu ghi nhận trước về cho thuê văn phòng, nhà xưởng	1.972.222.690	548.268.145
<b>b. Dài hạn</b>	<b>59.123.106.073</b>	<b>61.961.015.161</b>
- Các khoản doanh thu ghi nhận trước về cho thuê văn phòng dài hạn	59.123.106.073	61.961.015.161
<b>Cộng</b>	<b>61.095.328.763</b>	<b>62.509.283.306</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>(6.000.000.000)</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(221.630.188.519)</b>	<b>(128.779.978.910)</b>	<b>(142.691.633.380)</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	57.023.212.805	(721.017.469)	56.302.195.336
Tăng khác	-	-	6.000.000.000	-	-	-	6.000.000.000
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	129.405.532.157	129.405.532.157
Giảm do mua thêm cổ phiếu của Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	-	-	(75.274.277)	(774.725.723)	(850.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(164.682.249.991)</b>	<b>13.129.810.055</b>	<b>62.166.094.113</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(164.682.249.991)</b>	<b>13.129.810.055</b>	<b>62.166.094.113</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	204.200.476	121.413.648	325.614.124
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do mua thêm cổ phiếu của Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	-	-	(699.598.766)	(6.447.587.074)	(7.147.185.840)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(165.177.648.281)</b>	<b>6.803.636.629</b>	<b>55.344.522.397</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100
<b>Cộng</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	111.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	253.628.642.189	396.968.470.772
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.824.538.541	5.079.573.534
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	6.077.693.347	6.097.633.984
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	191.202.729.406	-
<b>Cộng</b>	<b>452.733.603.483</b>	<b>408.145.678.290</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	253.280.251.206	396.400.150.665
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.808.605.751	3.353.663.109
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	4.958.865.339	5.318.402.052
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	190.948.181.242	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(946.777.016)	-
<b>Cộng</b>	<b>450.049.126.522</b>	<b>405.072.215.826</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.074.461	3.050.618
- Lãi thanh lý Công ty con và bán các khoản đầu tư	90.000.000	70.277.733.710
<b>Cộng</b>	<b>91.074.461</b>	<b>70.280.784.328</b>

**04. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết**

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư xây dựng hạ tầng Việt Nam	(176.856.446)	-
<b>Cộng</b>	<b>(176.856.446)</b>	<b>-</b>

**05. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>

**06. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí không có hóa đơn chứng từ	-	1.846.577.186
- Chi nộp phạt	12.500.000	2.458.135.154
- Chi phí khác	490	7.100.000
<b>Cộng</b>	<b>12.500.490</b>	<b>4.311.812.340</b>

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>2.210.833.840</b>	<b>12.770.752.341</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	986.955.562	918.626.153
- Thuế, phí và lệ phí	24.753.576	60.899.662
- Chi phí dự phòng	(2.103.024.479)	97.718.239
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.177.321	350.401.244
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.714.000	25.954.918
- Lợi thế thương mại	3.011.257.860	11.317.152.125
<b>Cộng</b>	<b>2.210.833.840</b>	<b>12.770.752.341</b>

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	204.200.476	57.023.212.805
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(699.598.766)	(75.274.277)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(495.398.290)	56.947.938.528
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.100.000	11.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(45)</b>	<b>5.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**  
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	204.200.476	57.023.212.805
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(699.598.766)	(75.274.277)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(495.398.290)	56.947.938.528
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(45)</b>	<b>5.130</b>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	986.955.562	1.291.497.640
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.493.214.150	2.221.249.094
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.829.572.378	8.082.760.089
- Chi phí khác bằng tiền	3.124.862.778	7.597.555.482
- Chi phí dự phòng	(2.103.024.479)	-
<b>Cộng</b>	<b>196.331.580.389</b>	<b>19.193.062.305</b>

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển nhượng cổ phần chưa thu tiền	3.330.000.000	-

**IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	313.653.33	137.000.000
<b>Cộng</b>	<b>313.653.334</b>	<b>137.000.000</b>

**03. Điều chỉnh hồi tố**

Tại Công ty con Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn xác định lại khung khấu hao của nhà cửa bất động sản đầu tư là 50 năm (trước điều chỉnh là 60 năm) do sai sót kế toán. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Chênh lệch</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>299.213.134.728</b>	<b>(69.486.775)</b>	<b>299.143.647.953</b>
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>10.495.766.578</i>	<i>(69.486.775)</i>	<i>10.426.279.803</i>
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	3.073.802.023	(69.486.775)	3.004.315.248
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>68.372.456.484</b>	<b>(741.624.570)</b>	<b>67.630.831.914</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>49.323.167.761</b>	<b>(741.624.570)</b>	<b>48.581.543.191</b>
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(6.078.103.192)	(741.624.570)	(6.819.727.762)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>367.585.591.212</b>	<b>(811.111.345)</b>	<b>366.774.479.867</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>62.977.205.458</b>	<b>(811.111.345)</b>	<b>62.166.094.113</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>62.977.205.458</b>	<b>(811.111.345)</b>	<b>62.166.094.113</b>
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(164.117.797.606)	(564.452.385)	(164.682.249.991)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>(221.217.311.286)</i>	<i>(412.877.233)</i>	<i>(221.630.188.519)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>57.099.513.680</i>	<i>(151.575.152)</i>	<i>56.947.938.528</i>
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	422	13.376.469.015	(246.658.960)	13.129.810.055
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>367.585.591.212</b>	<b>(811.111.345)</b>	<b>366.774.479.867</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
4. Giá vốn hàng bán	11	404.923.890.916	148.324.910	405.072.215.826
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	3.221.787.374	(148.324.910)	3.073.462.464
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	60.731.819.361	(148.324.910)	60.583.494.451
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	56.520.007.021	(148.324.910)	56.371.682.111
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	69.486.775	69.486.775
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	56.520.007.021	(217.811.685)	56.302.195.336
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	(654.780.936)	(66.236.533)	(721.017.469)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	57.174.787.957	(151.575.152)	57.023.212.805

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>Số liệu điều chỉnh lại</b>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.144	(14)	5.130
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.144	(14)	5.130
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	56.520.007.021	(148.324.910)	56.371.682.111
- Khấu hao tài sản cố định	02	13.390.076.309	148.324.910	13.538.401.219

**04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực dịch vụ;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: cho thuê văn phòng, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản;
- Lĩnh vực xây dựng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Thương mại</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Kinh doanh bất động sản</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	253.628.642.189	1.824.538.541	6.077.693.347	191.202.729.406	452.733.603.483
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	253.620.075.292	1.817.861.225	4.989.696.111	191.918.109.719	452.345.742.347
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	8.566.897	6.677.316	1.087.997.236	(715.380.313)	387.861.136
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	186.577.650	1.342.191	1.164.639.233	140.655.076	1.493.214.150
<b>Số cuối năm</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	182.292.243.507	1.311.363.027	4.368.261.983	137.424.441.528	325.396.310.045
- Tài sản không phân bổ					29.144.844.468
<b>Tổng tài sản</b>	<b>182.292.243.507</b>	<b>1.311.363.027</b>	<b>4.368.261.983</b>	<b>137.424.441.528</b>	<b>354.541.154.513</b>
- Nợ phải trả bộ phận	167.495.446.347	1.204.918.714	4.013.686.905	126.269.597.268	298.983.649.235
- Nợ phải trả không phân bổ					212.982.881
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>167.495.446.347</b>	<b>1.204.918.714</b>	<b>4.013.686.905</b>	<b>126.269.597.268</b>	<b>299.196.632.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

	<b>Thương mại</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Kinh doanh bất động sản</b>	<b>Xây dựng</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	396.968.470.772	5.079.573.534	6.097.633.984	-	408.145.678.290
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	340.465.050.365	2.637.922.500	4.459.210.974	-	347.562.183.839
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	56.503.420.407	2.441.651.034	1.638.423.010	-	60.583.494.451
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	710.008.703	9.085.209	10.906.088	-	730.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.082.737.673	1.620.101	970.707.069	-	2.055.064.843
<b>Số cuối năm</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	357.461.736.384	4.574.048.846	5.490.790.811	-	367.526.576.041
- Tài sản không phân bổ					59.015.171
<b>Tổng tài sản</b>	<b>357.461.736.384</b>	<b>4.574.048.846</b>	<b>5.490.790.811</b>	-	<b>367.585.591.212</b>
- Nợ phải trả bộ phận	296.059.431.756	3.788.350.372	4.547.620.744	-	304.395.402.873
- Nợ phải trả không phân bổ					212.982.881
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>296.059.431.756</b>	<b>3.788.350.372</b>	<b>4.547.620.744</b>	-	<b>304.608.385.754</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	235.733.228.576	-	-	235.733.228.576
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	96.818.000	-	-	96.818.000
Các khoản phải trả khác	174.802.746	845.137.020	-	1.019.939.766
<b>Cộng</b>	<u>236.004.849.322</u>	<u>845.137.020</u>	-	<u>236.849.986.342</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	239.889.996.849	-	-	239.889.996.849
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	294.802.256	845.137.020	-	1.139.939.276
<b>Cộng</b>	<u>240.184.799.105</u>	<u>845.137.020</u>	-	<u>241.029.936.125</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc. Trong đó, một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại theo sai sót kế toán (Chi tiết xem thuyết minh VIII.03).

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Nhớ

Nguyễn Thị Luyên

Nguyễn Tuấn Hoàng